TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/DS-ST
Ngày: 11/7/2019
V/v tranh chấp *"Đòi lại tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân

2. Ông Phan Hữu Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang* tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp *"Đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tô Trần Minh P, sinh năm 1983 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 19, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Bà Võ Thị Ngọc D, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 13/8/2018, nguyên đơn – ông Tô Trần Minh P trình bày:

Vào ngày 01/8/2013, vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ngọc D có mượn của ông số tiền 250.000.000 đồng, không tính lãi, hứa đến tháng 8 năm

2014 sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên, việc mượn tiền giữa các bên có làm biên nhận ngày 01/8/2013, do ông T bà D tự viết và ký tên xác nhận nợ. Khi đến hạn, ông T và bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông, ông có nhắc nhở nhiều lần nhưng đến nay thì vợ chồng ông T, bà D vẫn chưa trả lại số tiền này. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết buộc ông T và bà D trả lại cho ông số tiền 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn – Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ngọc D: Vắng mặt trong suốt quá trình tòa án thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hộ khẩu và chứng minh nhân dân của nguyên đơn (Bản photo đã đối chiếu bản chính); Hộ khẩu của bị đơn (Bản photo đã đối chiếu bản chính), Giấy trích lục kết hôn của bị đơn (Bản sao); Giấy mượn nợ ngày 01/8/2013 (Bản Photo đã đối chiếu bản chính); Phiếu gửi đơn khởi kiện qua đường bưu điện cho bị đơn.

- Bị đơn: không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản không lấy được lời khai của ông T, bà D ngày 11/12/2018; Biên bản không lấy được lời khai của ông T, bà D ngày 20/12/2018; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của ông T và bà D ngày 20/12/2018.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho ông Tô Trần Minh P số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Ông T và bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P về việc tự nguyện chịu chi phí đăng báo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Tô Trần Minh P có Đơn khởi kiện đòi tài sản, ông yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ngọc D trả cho ông số tiền 250.000.000 đã mượn ông vào năm 2013. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp "Đòi lại tài sản".

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ngọc D có nơi cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (Theo Phiếu xác minh hộ khẩu tại Công an xã N - Bút lục 48), theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Xét bị đơn là ông T và bà D đã được Tòa án niêm yết hợp lệ công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Bên cạnh, Tòa án đã tiến hành Thông báo tố tụng qua đăng tin trên Báo công lý cho ông T và bà D, nhưng ông bà đã vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai mà không có lý do; Xét Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/7/2019 của ông P là hợp lệ nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P và ông T, bà D.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông T, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông P. Nhưng ông bà vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông bà đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Giấy mượn nợ ngày 01/8/2013 có chữ ký, chữ viết tên và dấu lăn tay của ông T và bà D, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ngọc D có nợ của ông P số tiền là 250.000.000 đồng, theo thỏa thuận ông T, bà D có nghĩa trả lại cho ông P vào tháng 8 năm 2014, nhưng ông bà đã không thực hiện. Do đó, căn cứ Điều 256, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P, buộc ông T và bà D có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 250.000.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm*:* Do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận nên ông P không phải chịu án phí, ông T và bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông P đồng ý chịu chi phí đăng tin trên báo công lý theo yêu cầu của ông, xét phù hợp với quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận sự tự nguyện của ông.

[4] Quyền kháng cáo: Ông P và ông T, bà D có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 3 Điều 147, Điều 180; Điều 184; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 256; Điều 280 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Trần Minh P.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ngọc D phải trả cho ông Tô Trần Minh P số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ngọc D phải chịu 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Tô Trần Minh P không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng (Sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0008525 ngày 15/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Về chi phí đăng báo: Ông Tô Trần Minh P đồng ý chịu chi phí đăng báo là 1.522.000 đồng (Một triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) (Đã nộp xong).

4. Quyền kháng cáo:

Ông Tô Trần Minh P, ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ngọc D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh